

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý III và 9 tháng đầu năm 2026 của Bệnh viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ ĐA KHOA NGHỆ AN

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Căn cứ tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước Quý III và 9 tháng đầu năm 2026 của Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính Kế toán Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách Quý III và 9 tháng đầu năm 2026 của Bệnh viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An.

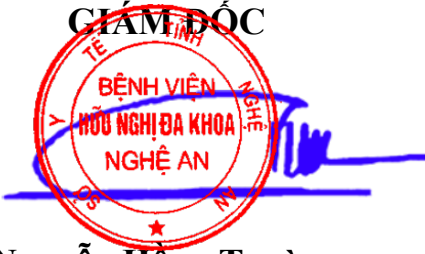
(theo biểu mẫu công khai đính kèm)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng phòng Tài chính Kế toán và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Ban Giám đốc (để B/c);
- Lưu: VT, TCKT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hồng Trường

PHỤ LỤC 01:**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU – CHI NGÂN SÁCH
QUÝ III VÀ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2026***ĐVT: triệu đồng*

TT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Thực hiện Quý I/2026	Thực hiện Quý II/2026	Ước thực hiện Quý III/2026	Tỷ lệ % (số ước thực hiện quý III/ Dự toán năm 2026)	Ước thực hiện năm 2026	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5=(4/1)%		
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0	0	0	0		0	
B	Dự toán chi NSNN	8.321	0	0	5.047	61	8.321	
I	Nguồn ngân sách trong nước (không bao gồm kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản)	8.321	0	0	5.047	61	8.321	
1	Chi quản lý hành chính	0	0	0	0		0	
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	0	0	0	0		0	
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	8.321	0	0	5.047	61	8.321	
3.1	Kinh phí tự chủ 2025 chuyển 2026							
3.2	Kinh phí tự chủ 2026							
3.3	Kinh phí không tự chủ 2025 chuyển 2026	4.341	0	0	1.067	24,59	4.341	
3.4	Kinh phí không tự chủ 2026	3.980	0	0	3.980	100	3.980	
3.5	KP đối ứng các Dự án 2025 chuyển 2026							
3.6	Kinh phí đối ứng các Dự án 2026							
4	Chi hoạt động sự nghiệp đảm bảo xã hội	0	0	0	0		0	
5	KPCTMT Quốc gia	0	0	0	0		0	
II	Nguồn ngân sách trong nước (kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản)	0	0	0	0		0	
III	Kinh phí ghi thu ghi chi viện trợ nước ngoài thuộc nguồn thu NS địa phương (chi tiết đến từng dự án, phí dự án...)	0	0	0	0		0	